

Bản án số: 466/2024/DS-PT
Ngày 04 - 9 - 2024
V/v tranh chấp về hụi.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tòng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tĩnh

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Vũ Duy Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2024/TLPT- DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp về hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 142/2024/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2783/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm: 1995;

Địa chỉ: Số A, ấp Ô, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số B ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Do có quen biết nên bà L có tham gia hội do bà T tổ chức, cụ thể như sau:

Phần hội thứ nhất: Hội khai ngày 10/12/2022, hội 1.000.000 đồng/tháng. Hội gồm 25 phần, bà L tham gia 01 phần hội. Bà L đóng hội được 14 tháng với số tiền trung bình là 700.000 đồng/tháng x 14 tháng = 9.800.000 đồng.

Trong ngày 10/12/2022, bà T mở 02 dây hội 1.000.000 đồng. Bà L tham gia cả 02 dây. Mỗi dây 01 phần. Tổng số tiền bà L đóng là 9.800.000 đồng/dây x 02 dây = 19.600.000 đồng.

Phần hội thứ hai: Hội khai ngày 15/4/2023, hội 5.000.000 đồng/tháng. Hội gồm 30 phần, bà L tham gia 01 phần hội. Bà L đóng hội được 09 tháng với số tiền trung bình là 3.200.000 đồng/tháng x 09 tháng = 28.800.000 đồng.

Trong ngày 15/4/2023, bà T mở 02 dây hội 5.000.000 đồng. Bà L tham gia cả 02 dây. Mỗi dây 01 phần. Tổng số tiền bà L đóng là 28.800.000 đồng/dây x 02 dây = 57.600.000 đồng.

Tổng số tiền hội gốc bà L đã đóng cho bà T là 77.200.000 đồng.

Tuy nhiên, sau khi tính toán, trao đổi với bị đơn thì bà L thống nhất số tiền hội chị đã đóng cho bị đơn là 75.000.000 đồng và bà L yêu cầu bị đơn trả lại số tiền này.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Bà thống nhất với trình bày của bà L về thời gian chơi hội, số chân hội và phần hội mà bà L tham gia hội do bà T tổ chức.

Tuy nhiên, do trong quá trình chơi hội thì có một số hội viên hốt hội nhưng không đóng hội chết dẫn đến việc bà T không giao được hội cho các hội viên còn lại.

Nay bà đề nghị bà L bớt số tiền hội lại. Cụ thể là bà T đồng ý trả cho bà L số tiền hội là 75.000.000 đồng. Mỗi tháng trả 01 triệu đồng, bắt đầu trả vào ngày 01/7/2024.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 142/2024/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đã căn cứ:

Các điều 471, 357, 468 Bộ luật dân sự.

Các điều 147, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T trả lại cho bà Lê Thị Mỹ L số tiền hụi là 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng). Ghi nhận việc bà L không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/6/2024 Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách có nhận được đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Huyền T đề ngày 25/6/2024, nội dung kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 142/2024/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tuyên xử cho bị đơn trả số tiền 1.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi hết số tiền 75.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn xác định giữa nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Huyền T và không yêu cầu chồng bà T là ông Phan Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi còn nợ là 75.000.000 đồng.

Bị đơn kháng cáo nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nguyên đơn chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Huyền T. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 142/2024/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Huyền T; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền Trang H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung :

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ hụi là 75.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu chồng của bị đơn là ông Phan Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sự thừa nhận của bà T đối với số tiền nợ hụi là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh. Hơn nữa, bà T cũng đồng ý trả số tiền trên nên cấp sơ thẩm buộc bà T, có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp. Nguyên đơn không yêu cầu ông Phan Văn Đ là chồng của bà Nguyễn Thị Huyền T có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với yêu cầu của bà T về việc trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trong các giao dịch hụi với nguyên đơn nên phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi. Việc xin trả dần của bị đơn được nguyên đơn đồng ý. Đồng thời nguyên đơn ấn định thời gian bị đơn bắt đầu thực hiện nghĩa vụ là ngày bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

Hàng tháng vào ngày 04 bà T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ. Thời gian trả bắt đầu từ ngày 04/9/2024.

Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T được nguyên đơn chấp nhận nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Huyền T không phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T.

Sửa bản Bản án dân sự sơ thẩm số 142/2024/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Căn cứ vào các điều 471, 357, 468 Bộ luật dân sự.

Các điều 147, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T trả lại cho bà Lê Thị Mỹ L số tiền hụi là 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng). Ghi nhận việc bà L không yêu cầu tính lãi.

Thời gian và cách trả thực hiện như sau:

- Mỗi tháng vào ngày 04 của mỗi tháng bà Nguyễn Thị Huyền T phải trả cho bà Lê Thị Mỹ L số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi hết số nợ trên.

- Thời gian trả bắt đầu từ ngày 04/9/2024.

- Ghi nhận bà Lê Thị Mỹ L tự nguyện không yêu cầu ông Phan Văn Đ là chồng của bà Nguyễn Thị Huyền T có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Huyền T phải nộp 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Mỹ L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.930.000 đồng (một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001508 ngày 21/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Huyền T không phải chịu án phí. H1 lại cho bà T số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) là số tiền án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001000 ngày 03/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Chợ Lách;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tòng